

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29-11-2019

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

N DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA T, TỈNH TÂY NINH**

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trọng Q.**

Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Ông **Trần Văn T.**

2. Ông **Lê Huỳnh Hải Đ.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lưu Sử Ngọc Q** - Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Hòa T, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Hòa T, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Võ Hoàng N** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Hòa T, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 545/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Trọng H**, sinh năm 1978 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Trú tại: 69/2B ấp Long T, xã Long T Tr, huyện Hòa T, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Anh **Bùi Minh T**, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Trú tại: Số 79 ấp Long T, xã Long T Tr, huyện Hòa T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 10/7/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị Trọng H trình bày:

Về hôn N: Chị Lê Thị Trọng H và anh Bùi Minh T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2001 do tự nguyện nhưng không có Đ ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc thời gian đầu nhưng đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau nhiều lần. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con tên Lê Hồng Hải, sinh ngày 23/8/2004, hiện đang sống chung với anh T. Nếu ly hôn, chị đồng ý giao cháu Hải cho anh T nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con do công việc của chị không ổn định.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn: Anh Bùi Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa án để dự phiên hoà giải và dự phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Hòa T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn là chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H, anh T là phù hợp theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chị H và anh T chung sống với nhau từ năm 2001 do tự nguyện, không có Đ ký kết hôn. Vợ chồng sống chung thời gian đầu hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau về tính tình, cãi vã nhiều lần. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H yêu cầu được ly hôn với anh T. Đối với yêu cầu ly hôn của chị H nhưng anh T không đến Tòa để giải quyết mâu thuẫn là không có thiện chí hàn gắn. Mặt khác, do chị H và anh T không Đ ký kết hôn nên cần tuyên bố không công nhận chị H và anh T là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con tên Lê Hồng Hải, sinh ngày 23/8/2004. Cháu Hải đang sống chung với anh T và cháu Hải cũng có nguyện vọng được ở cùng cha nên giao cháu Hải cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp, chị H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Anh Bùi Minh T có nơi cư trú tại nhà số 79 ấp Long T, xã Long T Tr, huyện Hòa T, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án N dân huyện Hòa T, tỉnh Tây Ninh thụ lý vụ án là đúng theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thu thập chứng cứ cho đến khi xét xử, nguyên đơn là chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là anh T đã

được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với chị H, anh T là đúng với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn N: Chị H và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, hôn N là do tự nguyện nhưng không có Đ ký kết hôn. Chị H và anh T chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2019 thì hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình, vợ chồng thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn N không đạt được, chị H cương quyết ly hôn, tuy nhiên do chị H và anh T chung sống với nhau nhưng không có Đ ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 9 của Luật Hôn N và Gia đình nên Hội đồng xét xử không xem xét việc cho anh, chị ly hôn hay đoàn tụ mà tuyên bố không công nhận mối quan hệ giữa chị H và anh T là vợ chồng theo quy định tại Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn N và Gia đình.

[3.2] Về con chung: Có 01 con tên Lê Hồng Hải, sinh ngày 23/8/2004. Qua làm việc thì cháu Hải có nguyện vọng được ở cùng cha nên giao cháu Hải cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp, chị H không có công việc ổn định nên không cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Không có.

[4] Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Hòa T là hợp lý cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn N và Gia đình năm 2014. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận chị Lê Thị Trọng H và anh Bùi Minh T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao anh Bùi Minh T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lê Hồng Hải, sinh ngày 23/8/2004. Chị H không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0013696 ngày 10/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa T, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị H đã nộp xong tiền án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án N dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Hòa Thành;
- CC.THADS huyện Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.